
Lãi suất LNH Trái phiếu

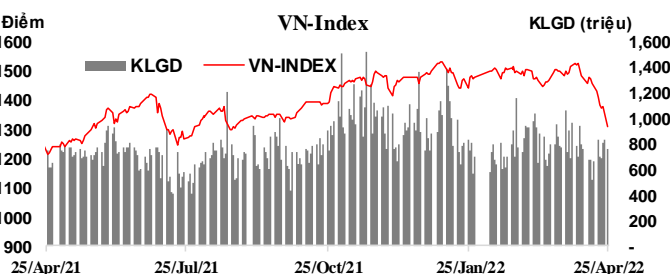
Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	1.38	-0.03	0.43	0.02	3Y	2.07	0.017
1W	1.85	0.01	0.51	0.03	5Y	2.22	-0.006
2W	2.02	-0.05	0.56	0.03	7Y	2.57	0.001
1M	2.08	-0.11	0.62	0.03	10Y	3.04	-0.028
2M	2.25	-0.06	0.75	0.02	15Y	3.20	-0.010
3M	2.37	-0.02	0.83	0.03			
6M	2.60	-0.01	1.06	0.03			
9M	2.74	0.04	1.29	-0.02			
1Y	2.92	0.02	1.41	-0.03			

Nguồn: Reuters

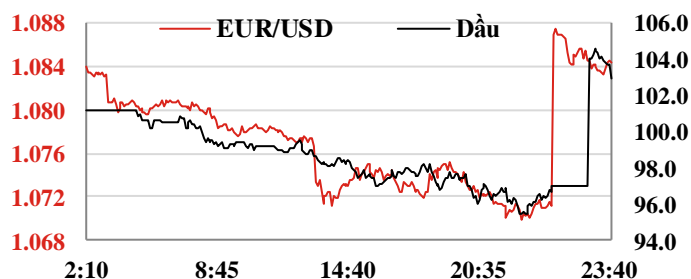
Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bom/hút ròng	KL lưu hành
25-04-22	1	14	2.50	10,000	284.00	-	284.00	3,002.14
22-04-22	1	14	2.50	10,000	227.81	-	227.81	2,718.14
21-04-22	1	14	2.50	10,000	306.96	287.10	19.86	2,490.33

	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1310.92	337.51	99.54
%/ngày	-4.95%	-6.02%	-4.43%
%/31/12/2021	-12.51%	-28.8%	-11.7%
KLGD (tr.đ.v)	762.88	96.00	53.0
GTGD (tỷ đ)	21945.23	1925.65	979.43
NĐINN mua (tỷ đ)	2160.55	33.03	0.68
NĐINN bán (tỷ đ)	1945.89	18.87	0.24


Tin trong nước ngày 25/04

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 25/04, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.128 VND/USD, tăng 05 đồng so với phiên cuối tuần trước. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán kỳ hạn 3 tháng được NHNN duy trì niêm yết lần lượt ở mức 22.550 VND/USD và 23.050 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 22.985 VND/USD, tăng mạnh 82 đồng so với phiên 22/04. Tỷ giá trên thị trường tự do giữ nguyên ở cả hai chiều mua và bán ra, giao dịch tại 23.325 VND/USD và 23.360 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 25/04, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,03 – 0,11 đpt ở hầu hết các kỳ hạn từ 1M trở xuống ngoại trừ tăng 0,01 đpt ở kỳ hạn 1W so với phiên cuối tuần trước, cụ thể: ON 1,38%; 1W 1,85%; 2W 2,02% và 1M 2,08%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,02 – 0,03 đpt ở tất cả kỳ hạn; giao dịch tại: ON 0,43%; 1W 0,51%; 2W 0,56%, 1M 0,62%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở các kỳ hạn 3Y và 7Y trong khi giảm ở các kỳ hạn còn lại, cụ thể: 3Y 2,07%; 5Y 2,22%; 7Y 2,57%; 10Y 3,04%; 15Y 3,20%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN chào thầu 10.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 14 ngày, lãi suất 2,50%. Có 284 tỷ đồng trúng thầu, trong khi không có khối lượng đảo hạn. Như vậy, NHNN bơm ròng 284 tỷ đồng ra thị trường, đưa khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố tăng lên mức 3.002,14 tỷ đồng.
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, thị trường lao dốc khi có tới gần 220 mã giảm sàn. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tiếp tục giảm rất mạnh 68,31 điểm (-4,95%) xuống 1.310,92 điểm; HNX-Index sụt 21,61 điểm (-6,02%) còn 337,51 điểm; UPCOM-Index cũng giảm 4,61 điểm (-4,43%) xuống dưới mức 100 điểm còn 99,54 điểm. Thanh khoản thị trường ở mức thấp với tổng giá trị giao dịch đạt trên 24.850 tỷ VND. Khối ngoại tiếp tục mua ròng gần 230 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ghi nhận trong tháng 4/2022 có 15.001 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới.** Trong tháng 4 cũng có 7.034 DN quay lại hoạt động, tăng 22,4% so với cùng kỳ 2021. Ở chiều ngược lại, trong tháng 4/2022 có 10.380 DN rút lui khỏi thị trường, giảm 11,6%. Lũy kế 4 tháng đầu năm, số DN thành lập mới đạt 49.591 DN, mức cao nhất trong giai đoạn 4 tháng đầu năm từ trước đến nay, tăng 12,3% so với cùng kỳ năm 2021. Số vốn đăng ký của DN thành lập mới trong 4 tháng đạt 635.282 tỷ đồng, tăng 1,2%. Đáng chú ý, số DN quay trở lại hoạt động trong 4 tháng đầu năm 2022 lên tới 30.919 DN, tăng 60,6% so với cùng kỳ năm 2021.

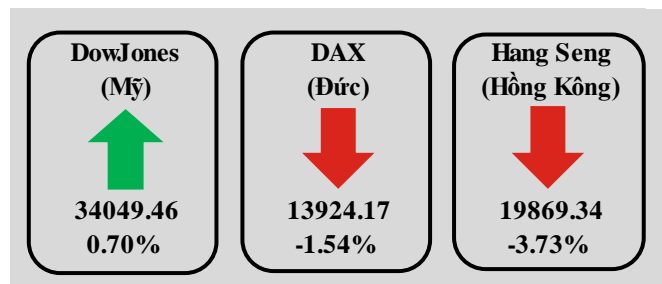


	25 Apr 22	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	101.75	0.53%	0.96%	6.03%
USD/CNY	6.56	0.88%	3.07%	3.25%
USD/EUR	0.93	0.77%	0.64%	6.13%
USD/JPY	128.12	-0.34%	0.91%	11.33%
USD/KRW	1250.10	0.48%	1.20%	5.23%
USD/SGD	1.37	0.24%	0.93%	1.86%
USD/TWD	29.23	-0.13%	-0.01%	5.49%
USD/THB	34.13	0.47%	1.31%	2.71%
USD/VND Trung tâm	23128	0.02%	0.09%	-0.07%
USD/VND LNH	22985	0.06%	0.25%	0.83%
USD/VND tự do	23350	0.21%	0.39%	-0.43%
Vàng	1897.69	-1.66%	-4.08%	3.79%
Dầu	98.54	-3.46%	-8.94%	31.02%

Tin quốc tế

- Niềm tin kinh doanh tại nước Đức cải thiện tuy không chắc chắn.** Ifo khảo sát cho biết chỉ số niềm tin kinh doanh tại nước Đức ở mức 91,8 điểm trong tháng 4, tăng lên từ 90,8 điểm của tháng trước, trái với dự báo giảm nhẹ xuống còn 88,3 điểm. Mặc dù vậy, có những ý kiến nghi ngờ về sự lạc quan này khi cuộc xung đột tại Ukraine chưa hề đi qua, và những ảnh hưởng tiêu cực có thể kéo dài hàng thập kỷ. Hãng ING cho biết mọi thứ sẽ được nhìn nhận rõ ràng hơn vào thứ Sáu tuần này, khi nước Đức đón nhận thông tin về GDP quý 1. Hãng này cho biết chuỗi cung ứng vẫn đang bị gián đoạn rất nghiêm trọng, thu nhập của các hộ gia đình có thể bắt đầu suy giảm và đồng thời các công ty đang gặp khó do giá đầu vào leo thang khiến cho biên lợi nhuận đi xuống nhanh chóng.
- Giá nhà tại Anh một lần nữa lập kỷ lục mới.** Theo khảo sát của Right Move, giá nhà tại nước Anh tăng 9,9% y/y trong tháng 4, lên mức 360 nghìn GBP/căn. Dữ liệu cho thấy tất cả các phân khúc đều xác lập kỷ lục mới trong tháng này, lần gần nhất diễn ra tình trạng tương tự là năm 2007. Các chuyên gia cho rằng việc giá nhà tăng lên là do sự thiếu hụt cung cầu, bất chấp NHTW Anh đã tăng LSCS trở lại và nhiều gia đình bị siết chặt điều kiện tài chính khi chi phí sinh hoạt thường nhật tăng lên theo giá năng lượng. Giám đốc dữ liệu tại Rightmove Tim Bannister cho rằng thị trường sẽ sớm trở về cân bằng một cách tự nhiên và không gây ra tình trạng “hạ cánh cứng” nào.
- Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
25-04	6:00	*	Giá nhà tại Rightmove Anh mm T4	1.6		1.7
25-04	15:30	**	Niềm tin kinh doanh Ifo Đức T4	91.8	88.3	90.8
26-04	6:30	*	Tỷ lệ thất nghiệp Nhật Bản T3		2.7	2.7
26-04	19:30	**	Giá trị đơn đặt hàng hàng hóa lâu bền Mỹ mm T3		0.5	-0.6
26-04	19:30	**	Giá trị đơn đặt hàng hàng hóa lâu bền lõi Mỹ mm T3		1.0	-2.1
26-04	21:00	**	Chỉ số niềm tin tiêu dùng Conference Board Mỹ T4		108.5	107.2



LIBOR

SIBOR

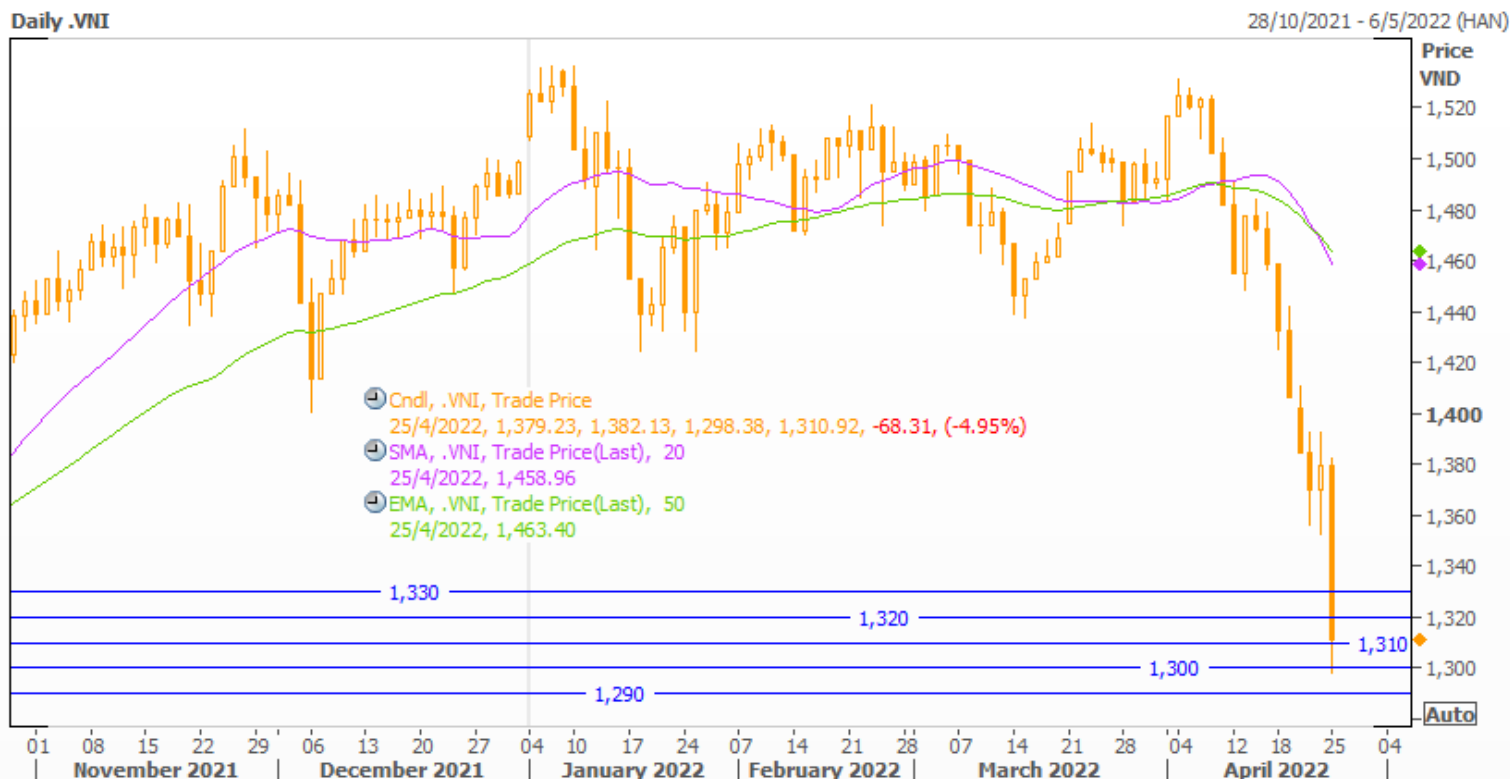
Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR	
	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.3304	0.0040		
1M	0.6980	-0.0054	0.6721	0.0000
3M	1.2249	0.0112	1.0554	0.0000
6M	1.8187	-0.0050	0.8211	0.0000
1Y	2.5517	-0.0550		

Số liệu ngày SIBOR 22/04/2022

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	0,25%	0,50%	16/03/2022	03/05/2022
Châu Âu	EUR	0,05%	0,00%	10/02/2016	09/06/2022
Anh	GBP	0,50%	0,75%	17/03/2022	05/05/2022
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	27/04/2022
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	03/05/2022

VN-INDEX



VN-Index tiếp tục giảm mạnh xuống mức 1310,92 điểm. Xu hướng giảm điểm của chỉ số rất lớn, không loại trừ khả năng VN-Index sẽ điều chỉnh về vùng hỗ trợ quanh mốc 1.200 điểm.

Ngưỡng hỗ trợ: 1.300 – 1.290

Ngưỡng kháng cự: 1.320 – 1.330

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: trangtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn